

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 6 năm 2025
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Vĩnh

2. Ông Lê Hữu Vị

- Thư ký phiên tòa: Ông Nghiêm Xuân Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên tòa : Bà Trần Thị Thúy Nga- Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 60/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị H, sinh ngày 12/9/1997; Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn H, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi ở hiện nay: Thôn Y, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt

Bị đơn: Anh Bùi Quang H1, sinh ngày 20/6/1994; nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 25/3/2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Tạ Thị H trình bày: Chị và anh Bùi Quang H1 đăng ký kết hôn ngày 19/4/2019, đăng ký tại Ủy ban nhân dân

xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi cưới được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn không ai bị lừa dối, ép buộc. Tổ chức xong chị về ở cùng anh H1 và gia đình anh H1 ngay. Vợ chồng sống với nhau đến tháng 7 năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vì chị và anh H1 bất đồng về quan điểm sống do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Đến tháng 2 năm 2022 mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau nên cùng thời gian đó chị bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở. Từ khi chị bỏ đi, anh H1 và gia đình anh H1 không giàn xếp gì để đón chị về để vợ chồng đoàn tụ nên vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống nên chị xin được ly hôn anh H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có 02 con chung là cháu Bùi Văn H2, sinh ngày 22/01/2020 và cháu Bùi Văn H3, sinh ngày 05/5/2021. Hiện nay cả hai con đang ở cùng anh H1. Ly hôn, chị đề nghị giải quyết cho chị được nuôi dưỡng 2 con chung. Chị không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Hiện nay chị đang làm công nhân tại công ty D, thu nhập bình quân 9.000.000đ/tháng và chị đang ở nhà của bố mẹ đẻ chị tại thôn Y, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Bùi Quang H1 vắng mặt tại phiên toà không có lý do nhưng quá trình giải quyết vụ án, làm việc với bố, mẹ anh H1 là ông Bùi Văn H4 và bà Trần Thị H5 cho biết như sau: Anh H1 là con trai của ông bà và đang sống cùng nhà với ông, bà. Việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh H1, anh H1 đã được nhận thông báo thụ lý, các tài liệu chứng cứ do chị H nộp cho Tòa án do ông, bà nhận thay và đã giao ngay cho anh H1 nhưng do anh H1 đi làm tối mới về nên không xuống Tòa án để giải quyết được, khi về nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh H1 có nói lại với ông, bà nội dung như sau để Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Anh H1 cũng xác định tình cảm không còn nên đề nghị tòa án giải quyết cho anh và chị H được ly hôn. Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Bùi Văn H2, sinh ngày 22/01/2020 và Bùi Văn H3, sinh ngày 05/5/2021. Hiện nay cả hai con đang ở cùng anh H1. Ly hôn, đề nghị giải quyết để anh H1 được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con vì hiện nay anh làm nghề sơn và làm lái máy cày phục vụ nông nghiệp, thu nhập khoảng 16.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện nuôi cả 2 con. Anh H1 tự nguyện không yêu cầu chị

H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh H1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt không có lý do không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô không có yêu cầu hay kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tạ Thị H, xử cho chị Tạ Thị H được ly hôn anh Bùi Quang H1

Về nuôi con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 2 con chung là cháu Bùi Văn H2, sinh ngày 22/01/2020 và Bùi Văn H3, sinh ngày 05/5/2021. Chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện cần chấp nhận.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét;

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Tạ Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Tạ Thị H và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và gia đình là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn trong vụ án là anh Bùi Quang H1 có địa chỉ cư trú tại xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn là anh Bùi Quang H1 nhưng anh H1 không đến Tòa để làm việc. Tòa án đã tiến hành thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đến gia đình của anh H1 nhưng anh H1 vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Tạ Thị H và anh Bùi Quang H1 là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, vợ chồng bảo được nhau nên không quan tâm, chăm sóc nhau và thường xuyên đánh, cãi, chửi nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm nên xin được ly hôn anh H1.

Xét tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng ly thân nhau từ tháng 02/2022 cho đến nay. Anh Bùi Quang H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến để giải quyết việc chị H xin ly hôn nhưng anh H1 cố tình vắng mặt, không có lý do. Như vậy phần nào thể hiện anh H1 không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy đề nghị xin ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2] Về nuôi con chung:

Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung của các bên là như nhau. Tuy nhiên, anh H1 không đến Tòa án để làm việc, để thể hiện quan điểm của anh về con chung cũng như chứng minh điều kiện nuôi con của anh nên việc giao con cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng không đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Do vậy, cần giao cho chị H trực tiếp nuôi con chung là cháu Bùi Văn H2, sinh ngày 22/01/2020 và Bùi Văn H3, sinh ngày 05/5/2021 (các cháu đang ở cùng gia đình anh H1), chị H không yêu cầu anh H1 đóng góp nuôi con chung cũng là hoàn toàn tự nguyện cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Anh H1 không có mặt nên không có quan điểm và đề nghị của anh về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, khi nào anh H1 đề nghị sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Về Hôn nhân: Xử cho chị Tạ Thị H được ly hôn anh Bùi Quang H1.

[2] Về con chung: Giao cho chị Tạ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Bùi Văn H2, sinh ngày 22/01/2020 và Bùi Văn H3, sinh ngày 05/5/2021. Anh Bùi Quang H1 không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị H.

Sau khi ly hôn, anh H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định, không ai được cản trở.

[3] Án phí: Chị Tạ Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0001236 ngày 25/03/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại

các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND xã Nhân Đạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Nga